

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm sau khi Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) cho biết 43% doanh nghiệp châu Âu mở rộng đầu tư tại Việt Nam trong quý I/2022 với niềm tin nền kinh tế duy trì ổn định và tăng trưởng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

MSH, NVL

[Cập nhật công ty]

DGW

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn nhưng kê chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn tại các vùng giá cao khi giá cổ phiếu tiếp cận vùng cản

09/02/2022

	Chi số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,505.38	+0.29
VN30	1,552.44	+0.13
HĐTL VN30F1M	1,541.00	+0.36
HNXIndex	424.19	+1.51
HNX30	739.41	+1.82
UPCoM	112.00	+0.43
USD/VND	22,716	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.13	+3
Lãi suất qua đêm (%)	2.58	+46
Dầu (WTI, \$)	89.07	-0.32
Vàng (LME, \$)	1,826.93	+0.06



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,505.38 (+0.29%)

KLGD (triệu CP) 794.7 (+20.9%)

GTGD (triệu US\$) 1,111.0 (+11.9%)

HNXIndex 424.19 (+1.51%)

KLGD (triệu CP) 67.6 (+50.7%)

GTGD (triệu US\$) 83.0 (+17.2%)

UPCoM 112.00 (+0.43%)

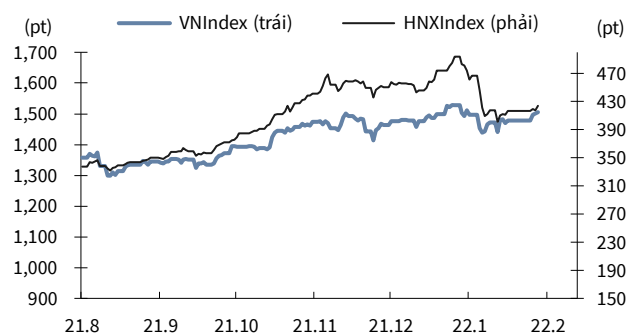
KLGD (triệu CP) 60.5 (+60.9%)

GTGD (triệu US\$) 58.3 (+24.9%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +57.1

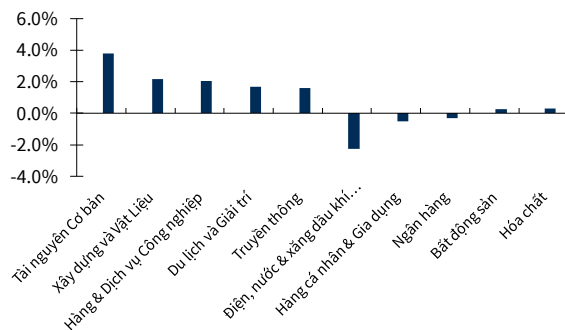
TTCK tăng điểm sau khi Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) cho biết 43% doanh nghiệp châu Âu mở rộng đầu tư tại Việt Nam trong quý I/2022 với niềm tin nền kinh tế duy trì ổn định và tăng trưởng. Tổng Cục du lịch cho biết trong 9 ngày Tết (từ ngày 29/1 - 06/2), ngành du lịch đã phục vụ khoảng 6.1 triệu lượt khách nội địa, trong đó có 3.2 triệu lượt khách nghỉ đêm tại các cơ sở lưu trú du lịch, tổng thu ước đạt hơn 25,000 tỷ đồng, cổ phiếu ngành du lịch tăng ở HOT (+4.4%), TCT (+1.2%). Ngân hàng Nhà nước cho biết tính đến ngày 26/01/2022, tín dụng toàn nền kinh tế tăng 2.74% YTD, và các tổ chức tín dụng tiếp tục giúp doanh nghiệp, cá nhân tháo gỡ khó khăn do đại dịch COVID-19, đảm bảo cung ứng đầy đủ vốn để tăng tốc phục hồi sản xuất kinh doanh, cổ phiếu ngành ngân hàng tăng ở BID (+2.2%). Theo Rystad Energy, Chính phủ Mỹ đang tìm cách hãm giá dầu bằng việc gấp rút thương lượng một thỏa thuận hạt nhân với Iran, cổ phiếu ngành dầu khí giảm ở PVD (-2.8%), PVS (-1.7%). Khối ngoại mua ròng ở FUEV, VND (+2.9%), GEX (+4.2%).

VNIndex & HNXIndex



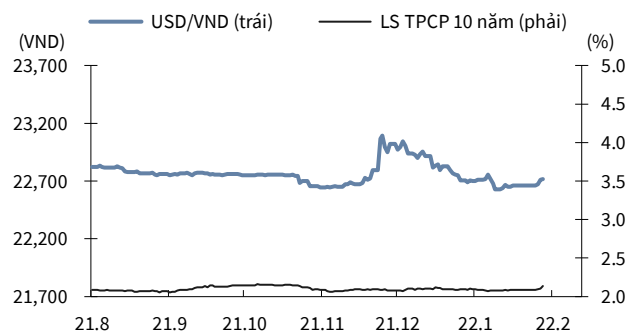
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

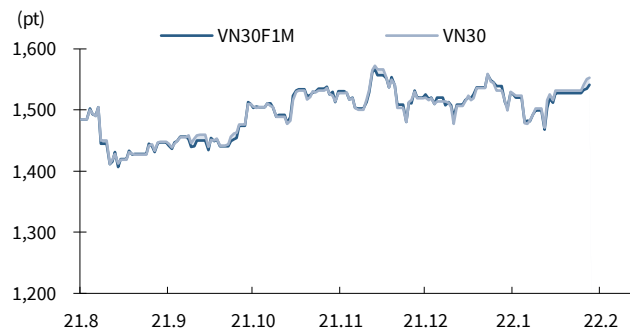
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,552.44 (+0.13%)
VN30F1M	1,541.0 (+0.36%)
Mở cửa	1,540.0
Cao nhất	1,555.9
Thấp nhất	1,540.0

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2202 và chỉ số VN30 biến động với biên độ lớn trong phiên hôm nay trong khoảng -5.31 và -16.24 điểm phản ánh tâm lý e dè của nhà đầu tư khi chỉ số cơ sở tăng liên tục, đóng cửa ở mức -11.44 điểm. Khối ngoại mua ròng và thanh khoản thị trường tăng.

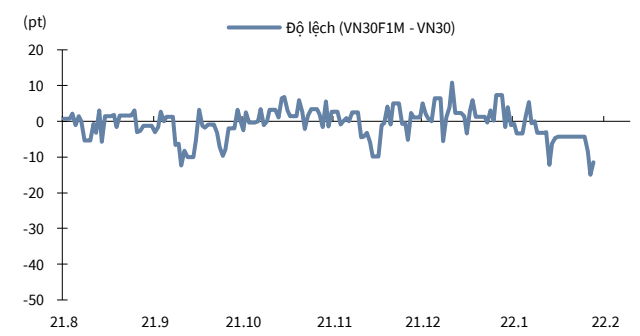
KLGD (HĐ)	131,307 (+16.6%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



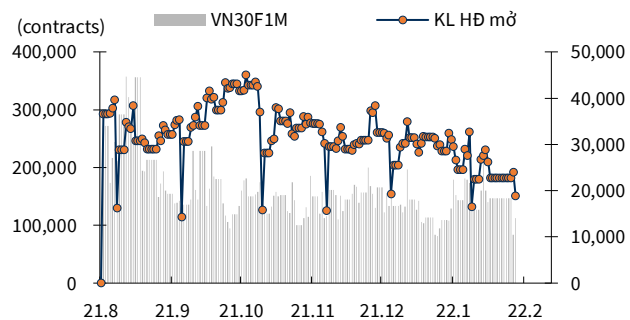
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



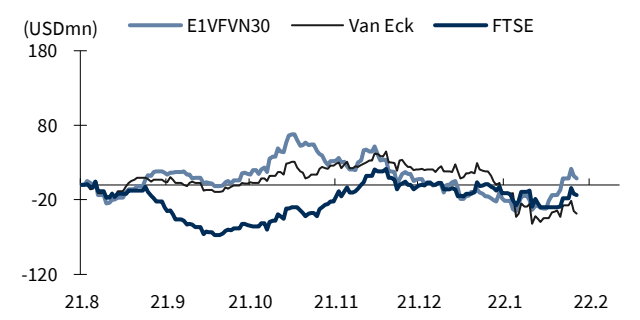
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

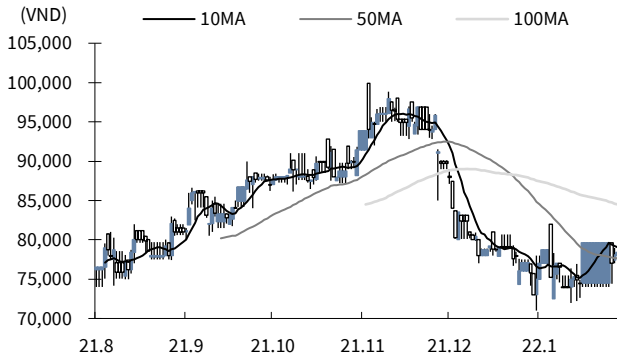
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

May Sông Hồng (MSH)

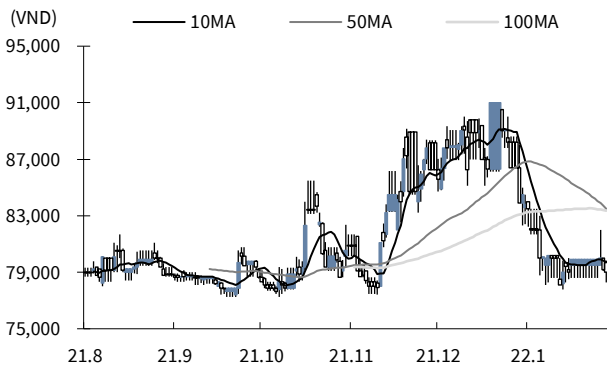


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSH tăng 0.4% lên 78,400 VND/cp

- May Sông Hồng báo cáo doanh thu thuần hợp nhất quý IV đạt 1,299,4 tỷ đồng, tăng 54% YoY và lợi nhuận sau thuế đạt 107.3 tỷ đồng, tăng 62% YoY.
- Cả năm 2021, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 442 tỷ đồng, tăng 91% YoY.

Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL giảm 0.3% xuống 79,000 VND/cp

- Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va công bố doanh thu hợp nhất năm 2021 đạt 14,967 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 3,460 tỷ đồng.
- Trong năm 2021, tập đoàn đã phát hành thành công gói 300 triệu USD trái phiếu chuyển đổi quốc tế niêm yết trên SGX.

CTCP Thế giới số (DGW)

Quý 4/2021 ghi nhận doanh số cao kỉ lục

Chúng tôi đã tham gia sự kiện Analyst Meeting Q4/2021 và ghi nhận một số thông tin chính về KQKD quý 4/2021 cũng như triển vọng, kế hoạch của công ty trong tương lai.

Kết quả kinh doanh trong Q4/2021 và cả năm 2021

- Quý 4/2021 ghi nhận kỉ lục về KQKD theo quý, doanh thu thuần đạt 7,922 tỷ đồng (+97% YoY), LNST đạt 3277 tỷ đồng (+230% YoY). Cả năm 2021, doanh thu lũy kế đạt 20,972 tỷ đồng (+67% YoY) và LNST 657 tỷ đồng (+146% YoY), lần lượt đạt 138% và 219% kế hoạch cả năm. Doanh thu ghi nhận mức cao kỉ lục tiếp tục được thúc đẩy bởi xu hướng học tập, làm việc tại nhà, ngoài ra là nhu cầu mua sắm cuối năm của người tiêu dùng cũng tăng cao.
- Biên lợi nhuận gộp được duy trì ở mức tích cực (7.7%) nhờ vào sự gia tăng doanh thu từ ngành hàng Laptop – là ngành hàng có biên gộp tốt. Hơn nữa, biên lợi nhuận ròng đạt 3.9%, cải thiện đáng kể so với mức cùng kì năm 2020 (2.1%). Trong trung hạn, BLĐ cho rằng biên ròng sẽ chỉ dao động ở 3% cho tới khi doanh thu từ ngành hàng chăm sóc sức khoẻ đóng góp tỉ trọng cao hơn.
- Tình hình tài chính trong Q4/2021 cũng khá tốt với lượng tiền và tương đương tiền dồi dào (1,494 tỷ đồng) nhờ vào doanh thu tăng trưởng mạnh. Tỉ lệ nợ vay/VCSH tăng từ 55% lên 63% trong Q4/2021, chủ yếu tăng mạnh nợ vay ngắn hạn để đảm bảo nguồn hàng tồn kho trong dịp cuối năm.

Xiaomi có thêm các đối tác mới phân phối, song DGW vẫn nắm phần lớn của “miếng bánh”

- Mới đây nhất, Xiaomi công bố thêm Synnex FPT là nhà phân phối chính hãng thứ hai tại Việt Nam. Mặc dù đây là thông tin không tích cực đối với DGW, song BLĐ cho rằng việc này là điều thường xuyên xảy ra trong ngành và BLĐ cũng tự tin rằng nếu tiếp tục có thêm các nhà phân phối mới, DGW sẽ được hưởng ít nhất 50% tổng lượng phân phối của Xiaomi tại Việt Nam. Sở dĩ, việc Xiaomi có thêm nhà phân phối do nhãn hàng có kế hoạch khá tham vọng tại Việt Nam trong 2022 (tăng thị phần smartphones từ 13% lên 26%).
- Các sản phẩm smartphones từ Apple tiếp tục có doanh số ấn tượng khi hàng xách tay đang mất dần vị thế (thị phần giảm từ 50% xuống còn 30%). Dự kiến doanh số từ Apple sẽ tiếp tục được thúc đẩy khi chuẩn bị ra mắt dòng smartphones trung cấp nhằm gia tăng thị phần. Ngành hàng Laptop vẫn được kì vọng tăng trưởng tốt khi tỷ lệ thâm nhập thị trường còn khá thấp, nếu so với các quốc gia trong khu vực như Thái Lan. Đóng góp của nhãn hàng Whirlpool hiện tại là chưa có do cần thời gian chuẩn bị công tác marketing.

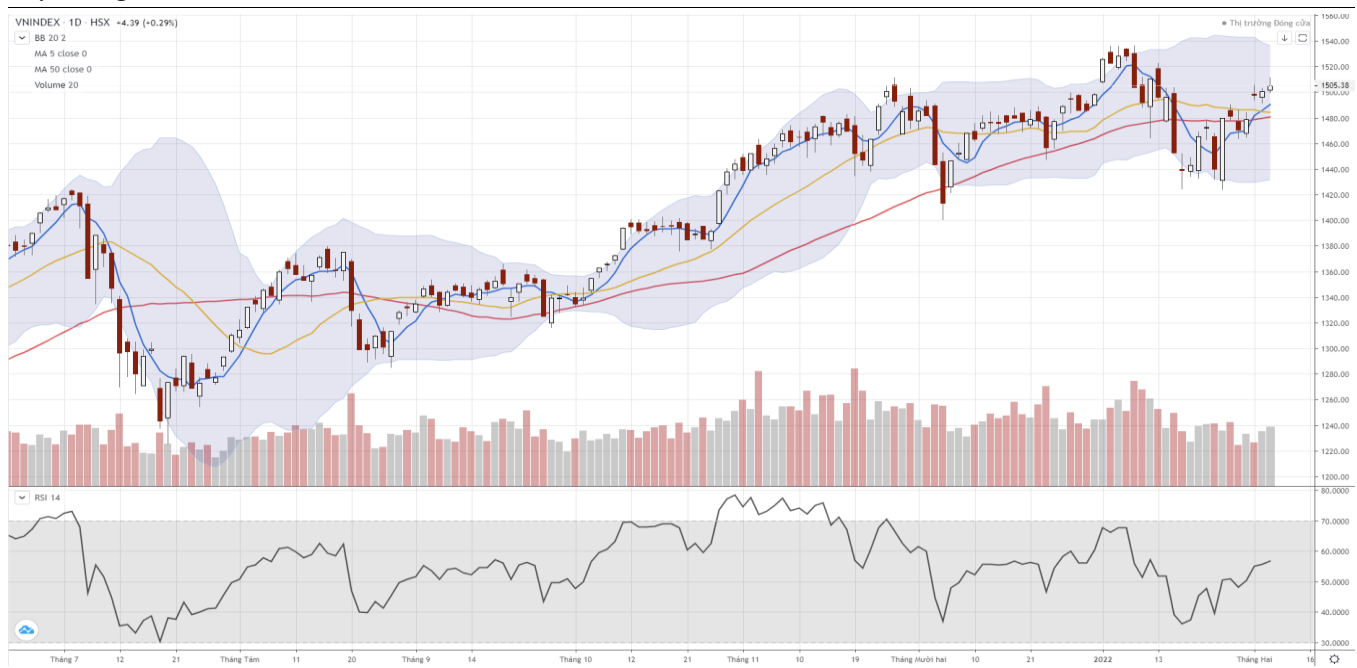
Kế hoạch năm kinh doanh năm 2022 và kết quả sơ bộ tháng 01/2022

- Sơ bộ tháng 01/2022, doanh thu DGW đạt 3,060 tỷ đồng. Cho cả năm 2022, BLĐ đặt mục tiêu doanh thu thuần 26,300 tỷ đồng (+25% YoY) và lợi nhuận 800 tỷ đồng (+22% YoY).
- Hiện tại DGW đang thực hiện due-diligence 1 thương vụ M&A trong năm nay. BLĐ chia sẻ với lượng tiền mặt dồi dào, nếu thực hiện M&A sẽ không cần phát hành thêm cổ phiếu.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

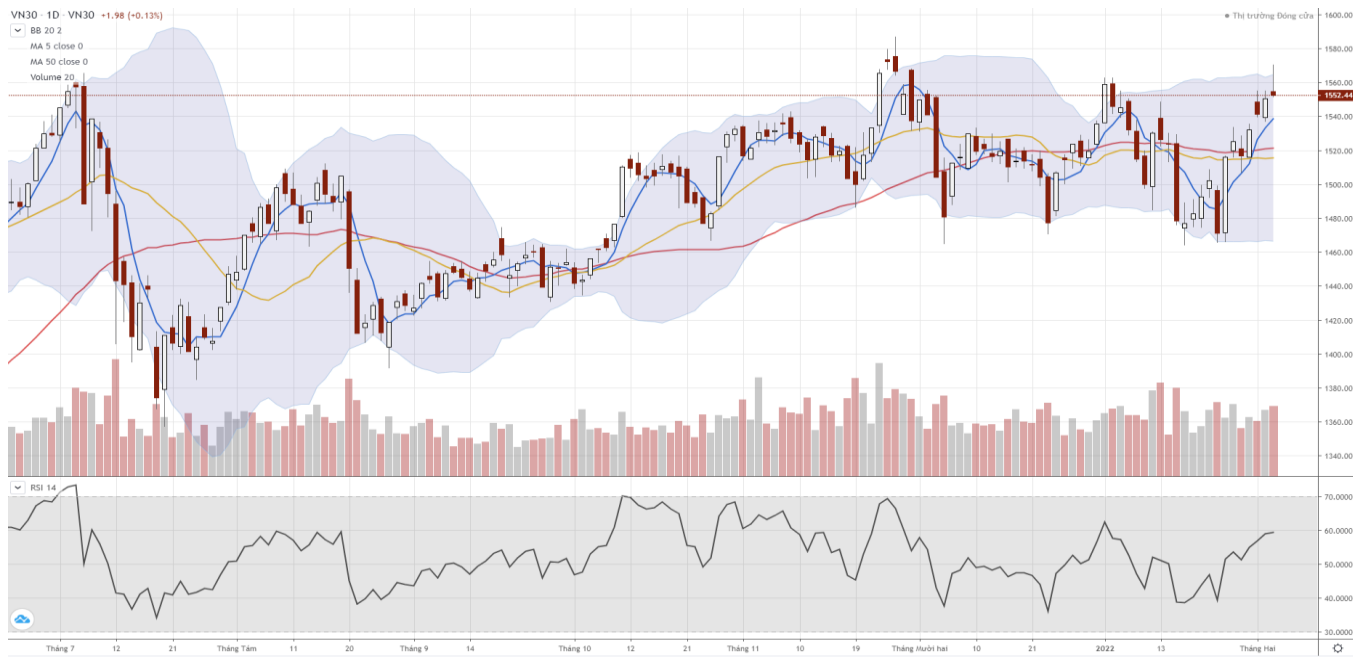
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



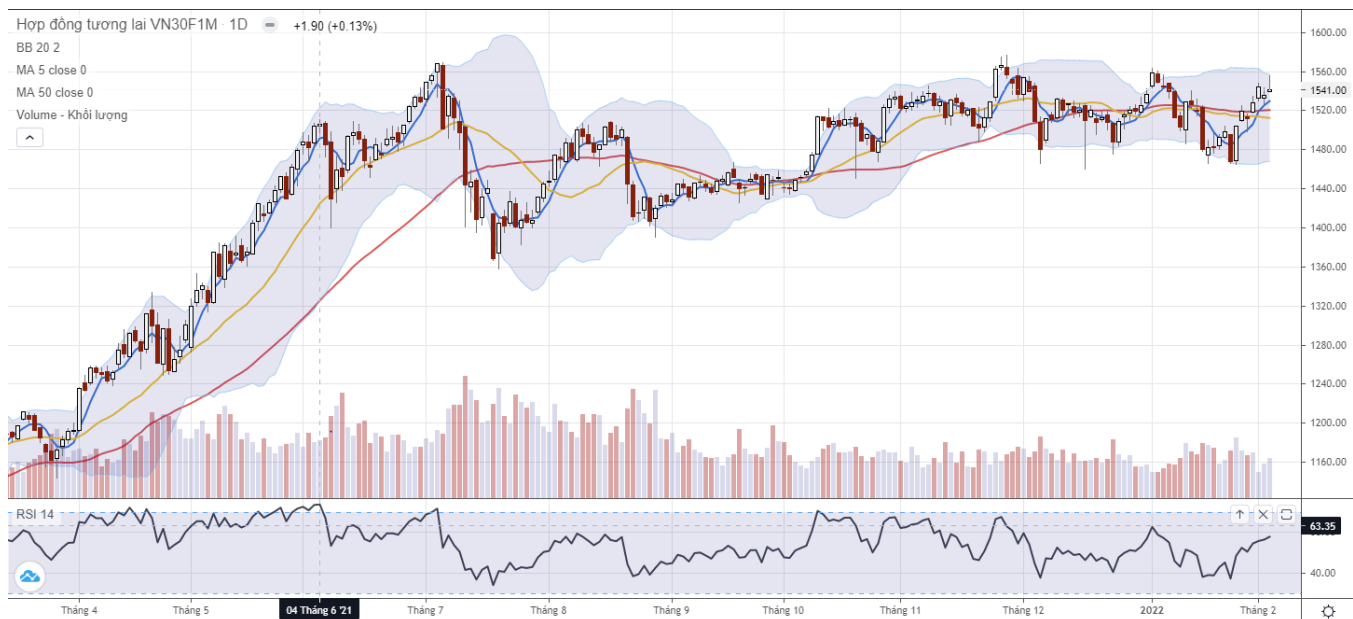
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục hình thành thêm một nhịp tăng tích cực vào đầu phiên sáng trước khi đảo chiều điều chỉnh và đánh mất phần nhiều thành quả về cuối phiên.
- Chỉ số đã bắt đầu chịu ảnh hưởng bởi vùng kháng cự 151x với áp lực chốt lời ngắn hạn gia tăng. Mặc dù vậy, lực cung đa phần mới chỉ tập trung ở vùng giá cao và với diễn biến mang tính phân hóa mạnh, VNIndex nhiều khả năng sẽ còn trải qua thêm các nhịp hồi phục mang tính giằng co trước khi cho tín hiệu điều chỉnh rõ nét hơn.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn nhưng kê chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn tại các vùng giá cao khi giá cổ phiếu tiếp cận vùng cản.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1558 – 1562

Kháng cự gần: 1549 – 1552

Hỗ trợ gần: 1525 – 1528

Hỗ trợ xa: 1508 – 1513

- F1 tiếp tục hình thành thêm một nhịp tăng tích cực vào đầu phiên sáng trước khi đảo chiều điều chỉnh và đánh mất phần lớn thành quả về cuối phiên.
- Chỉ số đã bắt đầu chịu ảnh hưởng bởi vùng kháng cự 155x với áp lực bán gia tăng. Mặc dù vậy, lực cung đa phần mới chỉ tập trung ở vùng giá xanh và F1 nhiều khả năng sẽ còn trải qua thêm các nhịp hồi phục mang tính giằng co mạnh trước khi cho tín hiệu điều chỉnh rõ nét hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, mở vị thế SHORT tại kháng cự và mở LONG tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế SHORT đã mở, kỳ vọng chốt lời ở vùng hỗ trợ xa và chỉ STOP nếu chỉ số vượt vùng cản gần trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

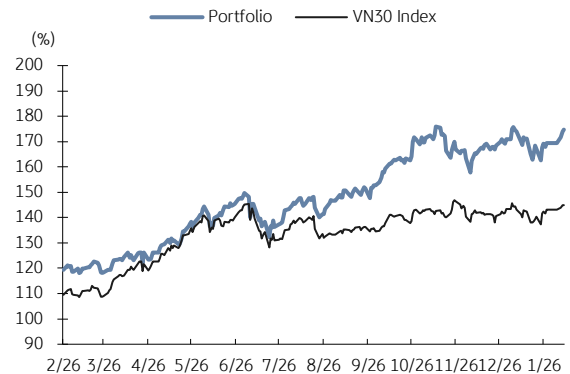
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.13%	0.50%
Tăng lũy kế (YTD)	44.98%	74.74%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 09/02/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	137,000	0.5%	77.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	53,900	6.1%	143.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	103,300	-1.6%	34.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	217,700	-0.3%	13.4%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	69,700	0.4%	105.0%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	90,700	0.1%	211.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	36,350	-0.4%	92.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	110,000	-3.5%	49.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	47,300	3.8%	226.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	56,400	-0.2%	311.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-0.6%	97.9%	221.6
VND	2.9%	19.3%	97.7
GEX	4.2%	7.8%	57.4
GMD	4.0%	41.2%	52.4
HPG	3.8%	23.5%	48.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	-1.8%	13.5%	-320.4
NVL	-0.3%	7.3%	-78.3
SSI	0.1%	39.3%	-51.4
PVD	-2.8%	6.1%	-27.0
DXG	0.9%	29.3%	-64.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
THD	1.0%	1.5%	24.2
PVS	-1.7%	9.1%	2.6
EVS	-0.5%	0.2%	1.5
PVI	0.2%	57.8%	0.9
CDN	-1.1%	20.5%	0.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	9.9%	0.1%	-0.5
EID	1.2%	25.2%	-0.4
TIG	3.7%	0.0%	-0.3
LHC	-2.1%	18.5%	-0.2
ART	1.0%	0.6%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	9.9%	VJC, HVN
Dịch vụ tài chính	9.2%	VND, SSI
Tài nguyên Cơ bản	9.1%	HPG, HSG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.3%	GEX, GMD
Hóa chất	6.7%	GVR, DPM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	-1.8%	VIC, DIG
Ngân hàng	-0.1%	VCB, CTG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.6%	GAS, CHP
Xây dựng và Vật Liệu	1.3%	CTD, HBC
Dầu khí	2.2%	PVD, PLX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	10.7%	HVN, VJC
Ngân hàng	8.1%	VCB, BID
Dầu khí	6.2%	PLX, PVD
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.7%	PNJ, TCM
Bảo hiểm	2.8%	BVH, MIG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-15.2%	CII, VCG
Bất động sản	-8.1%	VIC, DIG
Hóa chất	-7.6%	GVR, DCM
Truyền thông	-6.9%	ADG, YEG
Dịch vụ tài chính	-6.5%	FUESSV30, FUCTVGF3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDm)	GTGD (VNĐtỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	320,492 (14.1)	22.5	62.3	33.7	14.7	5.7	9.5	3.4	3.0	-1.8	-	-	-9.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	439,876 (19.4)	26.6	9.3	7.7	35.9	26.5	24.9	2.3	1.8	0.4	0.4	-4.6	-0.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	293,833 (13.0)	17.8	27.9	19.5	-7.6	9.1	10.6	2.5	2.3	1.1	5.9	3.3	19.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	196,912 (8.7)	31.3	26.9	18.3	6.7	13.9	15.1	4.4	3.2	-0.3	-0.5	-8.6	-13.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	96,210 (4.2)	11.6	23.0	16.8	18.0	15.6	24.2	3.2	2.6	5.4	5.4	-6.2	4.1
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	345,584 (15.2)	13.9	13.1	15.6	-	16.7	13.3	2.0	1.9	0.8	4.2	-9.2	1.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	166,653 (7.3)	6.3	17.6	14.1	11.7	20.6	20.8	3.1	2.6	-1.3	-3.9	13.8	15.2
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	207,091 (9.1)	12.7	19.2	13.3	-5.3	16.0	20.5	2.5	2.1	2.2	0.6	23.5	30.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	556,411 (24.5)	0.0	9.1	7.6	14.3	20.3	19.8	1.7	1.4	-0.4	2.3	8.4	7.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	527,783 (23.3)	1.4	9.9	7.6	61.1	18.9	20.9	1.6	1.3	-0.4	-3.5	9.5	7.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	456,842 (20.1)	0.0	11.0	8.8	18.8	16.0	16.1	1.7	1.4	-0.5	3.3	7.2	3.6
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	660,434 (29.1)	0.0	8.6	7.2	14.6	22.3	21.1	1.6	1.3	-1.5	0.0	16.4	15.2
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	166,802 (7.4)	4.2	9.4	7.8	23.3	20.4	20.2	1.8	1.5	0.6	2.9	4.3	2.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,116,347 (49.2)	14.0	14.7	10.6	26.5	11.9	16.2	1.8	1.5	-2.2	-1.4	9.7	11.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	361,307 (15.9)	0.0	10.8	8.4	37.5	21.1	22.0	2.1	1.7	-1.2	5.9	1.2	1.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	30,930 (1.4)	0.2	75.8	25.2	27.3	3.1	9.1	2.4	2.2	-2.5	-1.3	4.2	3.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	37,608 (1.7)	21.0	18.9	14.7	15.8	10.1	11.9	1.8	1.6	0.9	5.5	0.5	-0.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	20,506 (0.9)	14.2	19.6	16.8	9.1	10.9	12.6	1.8	1.7	0.5	9.5	-7.0	-10.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	564,954 (24.9)	55.4	21.8	20.5	-3.2	13.7	14.8	-	-	0.1	7.7	11.4	-11.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	187,965 (8.3)	71.9	-	-	-4.0	25.8	-	-	-	1.7	11.2	16.1	-16.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	117,089 (5.2)	52.4	-	-	-19.0	21.4	-	-	-	-0.4	10.1	14.0	-15.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	457,950 (20.2)	27.2	-	-	36.3	19.8	-	-	-	2.9	14.5	10.0	-12.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	169,817 (7.5)	42.1	16.5	15.3	4.0	33.0	34.2	5.0	4.7	1.0	3.9	-2.8	-4.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	22,004 (1.0)	36.9	24.2	20.1	7.3	19.0	21.4	3.9	3.8	-0.6	7.0	0.4	1.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	120,621 (5.3)	16.5	28.0	19.9	-51.9	21.7	24.7	6.2	4.7	0.8	-0.3	-4.8	-14.3
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	182,690 (8.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.2	-0.3	27.7	-22.7	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	92,347 (4.1)	11.0	-	58.8	-88.5	1.0	10.1	-	-	2.7	11.5	9.0	5.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	62,749 (2.8)	10.8	20.7	19.0	-57.0	12.2	13.5	2.4	2.3	4.0	15.5	0.7	2.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	372,678 (16.4)	38.4	14.9	7.0	65.7	8.2	15.7	1.3	1.1	1.3	-6.4	52.3	-40.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (91)	249,370 (11.0)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.0	6.7	51.3	-42.7
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	769,103 (33.9)	37.7	-	-	-13.2	11.9	14.9	-	-	4.2	10.3	21.2	-5.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	88,720 (3.9)	3.6	18.6	18.2	-52.4	4.6	4.6	0.9	0.9	2.6	10.8	14.6	-11.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	31,212 (1.4)	0.0	10.1	8.5	-4.5	13.2	14.9	1.4	1.2	0.4	7.4	0.6	0.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD		
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	114,886 (5.1)	46.1	17.9	15.9	-17.5	22.3	23.6	3.8	3.5	-3.5	-2.0	2.3	14.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	22,371 (1.0)	31.4	10.4	11.6	-10.5	15.1	14.3	1.8	1.6	0.8	6.3	-9.8	-9.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,992 (0.2)	34.1	14.3	9.0	-5.1	10.3	16.7	1.5	1.4	0.4	2.9	-6.2	-5.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	853,184 (37.6)	18.0	6.8	6.8	21.9	29.6	24.4	1.6	1.4	3.8	8.9	3.3	1.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	141,208 (6.2)	36.5	10.2	14.2	-0.5	17.4	11.7	1.6	1.5	-0.9	7.4	-6.5	-12.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	121,614 (5.4)	46.5	11.2	13.6	-4.5	19.9	14.6	2.0	1.8	0.7	9.8	18.2	-21.8
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	179,073 (7.9)	38.9	5.9	6.6	67.9	25.0	19.2	1.3	1.1	6.9	18.0	3.1	-2.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	117,055 (5.2)	97.2	19.4	17.3	17.2	-	-	1.2	1.2	2.0	7.3	22.1	-12.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	96,987 (4.3)	4.6	19.5	17.3	-51.0	16.3	17.5	3.0	2.8	1.0	4.2	5.5	10.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	314,306 (13.9)	39.9	27.0	15.5	-11.9	3.9	5.8	0.9	0.8	-2.8	-8.2	-5.4	0.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	51,945 (2.3)	35.9	8.9	7.4	1.2	16.7	16.3	1.3	1.0	3.4	7.5	-8.0	-4.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	115,295 (5.1)	0.0	15.7	13.4	13.7	27.8	28.4	4.0	3.5	0.5	3.9	1.1	0.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	69,816 (3.1)	0.0	17.2	13.8	2.4	22.9	23.4	3.5	2.8	-1.6	2.3	10.0	7.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	9,747 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.6	10.6	15.9	-22.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	94,890 (4.2)	30.3	24.2	19.5	-75.2	19.9	21.5	5.3	4.8	1.9	18.9	7.9	-4.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	53,924 (2.4)	34.6	11.7	13.2	41.2	30.4	23.9	2.9	2.6	-0.2	2.3	2.6	12.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,704 (0.2)	45.4	16.1	16.3	10.7	20.8	18.8	3.1	2.8	-0.3	2.5	11.9	-10.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	115,381 (5.1)	0.0	15.9	14.0	15.5	25.5	27.5	3.8	3.6	0.1	5.5	-2.9	-2.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.